

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN

HỌC BỔNG HK01

Khoa Giáo dục Mầm non (năm học
2011-2012)

Danh sách kèm theo quyết định số
1065/QĐ-ĐHSP ngày 21/5/2012

S	Họ và Tên	MSS	ĐT Đ	Mức	Số
T		V	BC	R học	tiền
T			HT	L	bổng
1	Nguyễn Thị Ch	K37. 3.5	883000	150	
	Ngọc	âu 902. 8	00	000	
		004		0	
2	Phan Cảnh Du	K37. 3.2	843000	150	
	Thị Mỹ	yê 902.	00	000	
		n 009		0	
3	Đoàn Thị	Gi K37. 3.2	843000	150	
	Cẩm	an 902.	00	000	
		g 012		0	
4	Lê Thị Thu Hà	K37. 3.2	833000	150	
		902. 5	00	000	
		023		0	
5	Trần Thanh Hà	K37. 3.4	953000	150	
	i	902.	00	000	
		027		0	
6	Đặng Thị	Hi K37. 3.6	883000	150	
	Thu	ền 902. 8	00	000	
		035		0	
7	Vũ Thị Mai Hư	K37. 3.1	872400	120	
	on	902. 8	00	000	
	g	045		0	
8	Nguyễn Thị Lý	K37. 3.1	872400	120	
	Hồng	902. 8	00	000	
		056		0	
9	Bùi Nữ	Ng K37. 3.4	792400	120	
	Hồng	ân 902. 8	00	000	
		061		0	
1	Nguyễn Thị Ng	K37. 3.2	813000	150	
0	Bích	ọc 902. 8	00	000	
		064		0	
1	Trần Kim	Ng K37. 3.6	803000	150	
1		ọc 902.	00	000	
		066		0	
1	Trần Thị	Ng K37. 3.3	813000	150	
2	Hồng	ọc 902. 5	00	000	
		067		0	
1	Tôn Nữ	Nh K37. 3.2	913000	150	
3	Cẩm	i 902.	00	000	
		072		0	
1	Lê Thị	Nh K37. 3.2	873000	150	

4	Tuyết	un	902. 5	00	000
		g	076		0
1	Đào Thị	Nh	K37. 3.1	822400	120
5	Hồng	ư	902. 3	00	000
			077		0
1	Nguyễn	Nữ	K37. 3.1	872400	120
6	Duy Trúc		902. 5	00	000
			078		0
1	Lê Thị Yên	Oa	K37. 3.4	883000	150
7		nh	902. 8	00	000
			081		0
1	Nguyễn Thị Ph		K37. 3.2	833000	150
8		ượ	902.	00	000
		ng	089		0
1	Nguyễn Thị Ph		K37. 3.4	833000	150
9	Trúc	ượ	902. 8	00	000
		ng	090		0
2	Nguyễn	Sư	K37. 3.3	803000	150
0	Hoài	ơ	902.	00	000
		g	096		0
2	Trần Thị	Th	K37. 3.2	813000	150
1		ảo	902. 3	00	000
			102		0
2	Nguyễn Thị Th		K37. 3.4	823000	150
2	Phương	ảo	902.	00	000
			104		0
2	Lê Thị Kiều	Tra	K37. 3.4	973000	150
3		ng	902. 3	00	000
			122		0
2	Trần Thị	Trâ	K37. 3.6	993600	180
4	Hồng	m	902. 8	00	000
			126		0
2	Nguyễn	Tri	K37. 3.2	983000	150
5	Mộng Kiều	nh	902.	00	000
			132		0
2	Đào Thị	Tư	K37. 3.8	883000	150
6	Minh	ơ	902.	00	000
			140		0
2	Đinh Thị	Vi	K37. 3.3	833000	150
7	Mai		902. 3	00	000
			145		0
2	Nguyễn Thị Yế		K37. 3.3	813000	150
8	Hồng	n	902. 8	00	000
			149		0
2	Phạm Thị	Yế	K37. 3.2	772400	120
9	Phương	n	902. 8	00	000
			151		0